

Số: 543/STP-XLVPHC&THPL

Bình Dương, ngày 08 tháng 5 năm 2017

V/v rà soát văn bản QPPL liên quan
đến doanh nghiệp khởi nghiệp

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện quy định tại Mục 1 Phần II Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương năm 2017 ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 của UBND tỉnh, trên cơ sở Hệ dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật về doanh nghiệp khởi nghiệp do Bộ Tư pháp ban hành tại Công văn số 1154/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL, Sở Tư pháp đã lập Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật của địa phương ban hành liên quan đến doanh nghiệp khởi nghiệp (có Danh mục văn bản kèm theo).

Nhằm theo dõi tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết thuộc lĩnh vực doanh nghiệp khởi nghiệp tại địa phương và phát hiện những văn bản quy phạm pháp luật thuộc các lĩnh vực này không đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ hoặc không khả thi trong quá trình thi hành để kịp thời tham mưu xử lý, Sở Tư pháp kính đề nghị các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện căn cứ danh mục văn bản do Sở Tư pháp lập để tập hợp bổ sung (nếu có) và thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của ngành, địa phương mình nhằm xác định những nội dung địa phương cần ban hành văn bản quy định chi tiết, xác định sự phù hợp trong quy định của các văn bản (kể cả văn bản của Trung ương và địa phương) và lập các Danh mục văn bản tương ứng, gồm:

- Danh mục văn bản có yêu cầu địa phương ban hành văn bản quy định chi tiết (**UBND cấp huyện không thực hiện Danh mục này**);
- Danh mục văn bản không đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ;
- Danh mục văn bản không đảm bảo tính khả thi.

(Có mẫu các Danh mục kèm theo)¹

Đề nghị các đơn vị thực hiện đầy đủ các thông tin yêu cầu của từng Danh mục và gửi báo cáo kết quả rà soát (theo đề cương gửi kèm) kèm theo các Danh mục văn bản về Sở Tư pháp trước ngày 26/5/2017, đồng thời gửi file điện tử qua địa chỉ email yenttk@binhduong.gov.vn để Sở Tư pháp kịp thời tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp.

¹ Lưu ý: Đơn vị chỉ liệt kê các văn bản thuộc chức năng quản lý nhà nước của đơn vị mình (do Trung ương và địa phương ban hành) phù hợp với tiêu chí của từng danh mục, không cần liệt kê lại các văn bản mà Sở Tư pháp đã tập hợp.

(Công văn số 1154/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL của Bộ Tư pháp và các hồ sơ có liên quan được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp tại địa chỉ <http://stp.binhduong.gov.vn>, mục Quản lý XLVPHC&TDTHPL\Theo dõi thi hành pháp luật\Văn bản điều hành).

Quá trình thực hiện nếu cần trao đổi, đề nghị Quý đơn vị liên hệ Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính và Theo dõi thi hành pháp luật thuộc Sở Tư pháp qua số điện thoại 3.855.220 (gặp đồng chí Yên).

Rất mong nhận được sự quan tâm phối hợp của Quý cơ quan, đơn vị. *[Handwritten mark]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- GĐ STP;
- Lưu: VT, XLVPHC&THPL, "pdf".

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Thị Minh Hạnh

DANH MỤC
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO HĐND, UBND TỈNH BAN HÀNH
CÓ NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Công văn số 543 /STP-XLVPHC&THPL ngày 08/5/2017 của Sở Tư pháp)

STT	Tên loại văn, số, ký hiệu bản	Ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Trích yếu nội dung của văn bản
I. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI (THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG)			
1.	Nghị quyết số 10/2015/NQ-HĐND8	21/7/2015	Về việc quy định mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Bình Dương
2.	Quyết định số 19/2010/QĐ-UBND	17/6/2010	Ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
3.	Quyết định số 42/2011/QĐ-UB	06/10/2011	Về việc điều chỉnh Điều 10 của Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương
4.	Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND	07/9/2015	Về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bình Dương
5.	Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND	07/9/2015	Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Bình Dương
II. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ VÀ DOANH NGHIỆP (THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ)			
1.	Nghị quyết số 38/2015/NQ-HĐND8	11/12/2015	Ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020

2.	Nghị quyết số 29/2016/NQ- HĐND9	12/08/2016	Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020
3.	Nghị quyết số 45/2016/NQ- HĐND9	16/12/2016	Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017
4.	Quyết định số 49/2011/QĐ-UBND	21/11/2011	Về việc quy định bố trí các ngành nghề sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
5.	Quyết định số 59/2015/QĐ-UBND	22/12/2015	Ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020
6.	Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND	21/6/2016	Ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Bình Dương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.
7.	Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND	19/8/2016	Ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016-2020
8.	Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND	14/10/2016	Về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2016
9.	Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND	20/12/2016	Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017
III. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH; KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN; TÀI SẢN CÔNG, NỢ CÔNG (THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH)			
1.	Quyết định số 183/2005/QĐ-UBND	01/09/2005	Về việc ban hành văn bản quy định trình tự, thủ tục bảo lãnh vốn vay cho các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng trong Khu liên hợp công nghiệp- dịch vụ- đô thị Bình Dương
IV. LĨNH VỰC THUẾ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC (THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA CỤC THUẾ TỈNH)			
1.	Chi thị số 09/2000/CT-CT	15/05/2000	Về việc đẩy mạnh triển khai chế độ kế toán trong khu vực kinh tế ngoài Quốc doanh

2.	Chi thị số 34/2005/CT-UBND	15/07/2005	Về việc triển khai thực hiện các biện pháp xử lý nợ đọng thuế và chống thất thu Ngân sách Nhà nước
3.	Chi thị số 19/2006/CT-UBND	07/6/2006	Về việc tăng cường chỉ đạo phối hợp trong công tác chống thất thu thuế và khai thác nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.
V. LĨNH VỰC XÂY DỰNG, NHÀ Ở, ĐÔ THỊ (THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG)			
1.	Nghị quyết số 57/2005/NQ- HĐND7	15/12/2005	Về quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Dương đến năm 2020
VI. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG)			
1.	Nghị quyết số 07/2010/NQ- HĐND7	16/4/2010	Về chính sách hỗ trợ di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nằm trong các khu dân cư, đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Dương
2.	Nghị quyết số 33/2016/NQ- HĐND9	12/8/2016	Về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương
3.	Nghị quyết số 65/2016/NQ- HĐND9	16/12/2016	Về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Dương
4.	Nghị quyết số 66/2016/NQ-HĐND	16/12/2016	Về chế độ thu, nộp và quản lý phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương
5.	Nghị quyết số 67/2016/NQ- HĐND9	16/12/2016	Về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương
6.	Nghị quyết số 68/2016/NQ- HĐND9	16/12/2016	Về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương

7.	Nghị quyết số 69/2016/NQ-HĐND9	16/12/2016	Về chế độ thu, nộp và quản lý một số loại phí trong lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương
8.	Nghị quyết số 70/2016/NQ-HĐND9	16/12/2016	Về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, để án bảo vệ môi trường chi tiết; phí thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường; phương án cải tạo phục hồi môi trường bỏ sung trên địa bàn tỉnh Bình Dương
9.	Quyết định số 17/2010/QĐ-UBND	31/5/2010	Ban hành quy định chính sách hỗ trợ di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nằm trong các khu dân cư, đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
10.	Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND	11/5/2012	Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục và hồ sơ để xem xét hỗ trợ di dời cho các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nằm trong các khu dân cư, đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Dương
11.	Quyết định số 05/2014/QĐ-UBND	25/01/2014	Về việc ban hành đơn giá công tác đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất thường xuyên trên địa bàn tỉnh Bình Dương
12.	Quyết định số 42/2014/QĐ-UBND	04/12/2014	Về việc ban hành giá tính thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác nước và khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương
13.	Quyết định số 44/2014/QĐ-UBND	04/12/2014	Ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương
14.	Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND	18/12/2014	Ban hành quy định về chính sách, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương
15.	Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND	11/3/2015	Ban hành Quy định về việc quản lý, cấp phép khai thác đất san lấp khi cải tạo mặt bằng trên địa bàn tỉnh Bình Dương
16.	Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND	14/4/2015	Ban hành Quy định về một số vấn đề liên quan đến thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương
17.	Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND	25/5/2015	Ban hành quy định trình tự, thủ tục thực hiện việc xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Bình Dương
18.	Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND	31/8//2015	Ban hành quy định về Đơn giá hoạt động quan trắc và phân tích môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương

19.	Quyết định số 49/2015/QĐ-UBND	02/11/2015	Ban hành Quy định về thẩm định chủ trương đầu tư; nhu cầu sử dụng đất và điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất; các thủ tục về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương
20.	Quyết định số 70/2015/QĐ-UBND	31/12/2015	Ban hành quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương
21.	Quyết định số 06/2016/QĐ-UBND	29/02/2016	Về việc ban hành đơn giá định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Bình Dương
22.	Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND	19/5/2016	Về việc bãi bỏ Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ngày 21/05/2015 của UBND tỉnh về việc sửa đổi Điều 5 Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 của UBND tỉnh quy định diện tích tối thiểu đối với đất ở được phép tách thửa trên địa bàn tỉnh Bình Dương
23.	Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND	16/6/2016	Ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương
24.	Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND	05/08/2016	Ban hành quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bình Dương
25.	Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND	19/08/2016	Ban hành quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương
26.	Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND	01/11/2016	Ban hành quy định về chế độ miễn, giảm tiền thuế đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Bình Dương
27.	Quyết định số 56/2016/QĐ-UBND	20/12/2016	Về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Dương
28.	Quyết định số 57/2016/QĐ-UBND	20/12/2016	Về việc quy định chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, để án bảo vệ môi trường chi tiết; phí thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Bình Dương
29.	Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND	20/12/2016	Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý một số loại phí trong lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương

30.	Quyết định số 59/2016/QĐ-UBND	20/12/2016	Về việc quy định về chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương
31.	Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND	20/12/2016	Về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương
32.	Quyết định số 61/2016/QĐ-UBND	20/12/2016	Về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương

**VII. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN
(THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN)**

1.	Nghị quyết số 12/2015/NQ-HĐND8	21/7/2015	Về chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Dương
2.	Nghị quyết số 43/2015/NQ-HĐND8	11/12/2015	Về chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị - nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020
3.	Nghị quyết số 61/2016/NQ-HĐND9	16/12/2016	Về chính sách hỗ trợ giữ và phát triển vườn cây ăn quả đặc sản tỉnh Bình Dương giai đoạn 2017-2021
4.	Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND	17/8/2011	Ban hành quy định chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai trên địa bàn tỉnh Bình Dương
5.	Quyết định số 45/2012/QĐ-UBND	16/10/2012	Ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ giữ và phát triển vườn cây ăn quả đặc sản tỉnh Bình Dương giai đoạn 2013-2016
6.	Quyết định số 48/2012/QĐ-UBND	31/10/2012	Ban hành Quy định nội dung và mức chi phí hỗ trợ hoạt động khuyến nông sử dụng ngân sách nhà nước cấp trên địa bàn tỉnh Bình Dương
7.	Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND	16/8/2013	Sửa đổi bổ sung Điều 4 Quy định ban hành theo Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 17/8/2011 về quy định chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai trên địa bàn tỉnh
8.	Quyết định số 29/2013/QĐ-UBND	04/10/2013	Quy định mức thu thủy lợi phí và tiền nước trên địa bàn tỉnh
9.	Quyết định số 35/2013/QĐ-UBND	11/11/2013	Ban hành quy định về quản lý hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Dương
10.	Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND	04/3/2014	Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng đất trồng lúa và hỗ trợ kinh phí để phát triển các vùng sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Bình Dương
11.	Quyết định số	08/4/2014	Về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông

	11/2014/QĐ-UBND		nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương
12.	Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND	15/01/2015	Về việc phê duyệt đơn giá bán nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Dương
13.	Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND	17/8/2015	Về việc ban hành Chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Dương
14.	Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND	17/02/2016	Ban hành quy định về chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị - nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020
VIII. LĨNH VỰC HỢP TÁC XÃ			
(THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ TỈNH)			
1.	Quyết định số 246/2005/QĐ-UBND	18/11/2005	Về việc ban hành Quy định cho vay vốn ưu đãi với thành phần kinh tế Hợp tác xã của Quỹ đầu tư và phát triển tỉnh Bình Dương.
2.	Quyết định số 277/2005/QĐ-UBND	22/12/2005	Về việc phê duyệt các lĩnh vực, ngành nghề của Hợp tác xã được vay vốn ưu đãi từ Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh.
3.	Quyết định số 62/2008/QĐ-UBND	31/10/2008	Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định cho vay vốn ưu đãi đối với thành phần kinh tế Hợp tác xã của Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 246/2005/QĐ-UBND ngày 18/11/2005 của UBND tỉnh.
4.	Quyết định số 31/2009/QĐ-UBND	15/5/2009	Về việc ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
5.	Quyết định số 51/2012/QĐ-UBND	26/11/2012	Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bình Dương
IX. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, CHÍNH SÁCH XÃ HỘI, TRẺ EM			
(THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI)			
1.	Nghị quyết số 72/2016/NQ- HĐND9	16/12/2016	Về chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Bình Dương
2.	Quyết định số 33/2007/QĐ-UBND	02/4/2007	Ban hành quy chế quản lý, dạy nghề và giải quyết việc làm đối với người sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
3.	Quyết định số 90/2009/QĐ-UBND	21/12/2009	Ban hành Quy chế quản lý kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
X. LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ			
(THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ)			
1.	Quyết định số	29/6/2009	Ban hành Quy chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp cơ sở trên địa

	45/2009/QĐ-UBND		bản tỉnh Bình Dương.
2.	Quyết định số 71/2009/QĐ-UBND	30/9/2009	Ban hành Quy định về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
3.	Quyết định số 75/2009/QĐ-UBND	24/11/2009	Về việc thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư trong giai đoạn xem xét cấp phép trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
4.	Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND	27/4/2015	Về việc ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Dương
5.	Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND	12/5/2015	Về việc ban hành Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương
6.	Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND	15/9/2015	Về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương
7.	Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND	15/9/2015	Về việc ban hành Quy định đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương
8.	Quyết định số 54/2015/QĐ-UBND	21/12/2015	Về việc ban hành quy định về thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố về thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
9.	Quyết định số 50/2016/QĐ-UBND	20/12/2016	Ban hành Quy định kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương
XI. LĨNH VỰC BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG VÀ THÔNG TIN, BÁO CHÍ, XUẤT BẢN (THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ THÔNG TIN & TRUYỀN THÔNG)			
1.	Nghị quyết số 05/2008/NQ-HĐND7	22/7/2008	Về quy hoạch phát triển Bưu chính Viễn thông tỉnh Bình Dương đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.
2.	Nghị quyết số 06/2008/NQ-HĐND7	22/7/2008	Về quy hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Bình Dương đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.
3.	Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND	05/01/2011	Ban hành Quy chế phối hợp về tăng cường quản lý và phát triển bền vững cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
4.	Quyết định 04/2013/QĐ-UBND	11/3/2013	Quy chế hoạt động Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Dương trên Internet.
5.	Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND	25/3/2014	Ban hành Quy chế quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh Bình Dương
6.	Quyết định số	12/8/2014	Ban hành Quy định về quản lý điểm truy cập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi

	31/2014/QĐ-UBND		điện tử công cộng trên địa bàn tỉnh Bình Dương
7.	Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND	10/11/2014	Về việc ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí trên địa bàn tỉnh Bình Dương
8.	Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND	30/12/2014	Về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng chứng thư số của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương
9.	Quyết định số 30/2015/QĐ-UBND	18/8/2015	Ban hành Quy định quản lý cấp viễn thông treo trên địa bàn tỉnh Bình Dương
XII. QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN			
1.	Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND	09/7/2014	Ban hành Quy định bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bình Dương
2.	Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND	01/02/2016	Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 09/07/2014
XIII. LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH			
1.	Chỉ thị số 03/2014/CT-UBND	28/2/2014	Về việc trích nộp kinh phí Công đoàn 2%
XIV. LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG			
1.	Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND	13/01/2016	Về việc quy định về hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Bình Dương
Tổng cộng: 95 văn bản			

Số: /BC-.....

Bình Dương, ngày tháng 5 năm 2017

BÁO CÁO

**Kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật
trong lĩnh vực doanh nghiệp khởi nghiệp của ...**

Thực hiện quy định tại Mục 1 Phần II Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương năm 2017 (ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 của UBND tỉnh), trên cơ sở Danh mục văn bản liên quan đến lĩnh vực doanh nghiệp khởi nghiệp do Sở Tư pháp ban hành kèm theo công văn số .../STP-XLVPHC&THPL ngày .../5/2017; (tên đơn vị rà soát) đã tiến hành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến doanh nghiệp khởi nghiệp thuộc chức năng quản lý nhà nước của (tên đơn vị rà soát). Kết quả như sau:

I. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Số văn bản QPPL tập hợp bổ sung là: ... văn bản, gồm:

- Nghị định số .../NĐ-CP ngày .../.../... của Chính phủ về
- Nghị quyết, Quyết định của UBND tỉnh về.....
- Nghị quyết, Quyết định của UBND huyện, thị xã, thành phố về
-

2. Số văn bản có yêu cầu HDND, UBND tỉnh ban hành văn bản quy định chi tiết là: ... văn bản¹; trong đó:

- Số văn bản đã ban hành và đang còn hiệu lực là: ... văn bản;
- Số văn bản chưa ban hành là: ... văn bản;

(Có Phụ lục 1 kèm theo)

3. Số văn bản do Trung ương và địa phương ban hành không đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ là: ... văn bản

(Có Phụ lục 2 kèm theo)

4. Số văn bản do Trung ương và địa phương không đảm bảo tính khả thi là: ... văn bản

(Có Phụ lục 3 kèm theo)

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

¹ UBND cấp huyện không thực hiện nội dung này

.....
.....
Trên đây là kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực
doanh nghiệp khởi nghiệp, (tên đơn vị rà soát) chuyên Sở Tư pháp xem xét, tổng
hợp để báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Tư pháp
-
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

DANH MỤC
VĂN BẢN THUỘC LĨNH VỰC DOANH NGHIỆP KHỎI NGHIỆP
CÓ YÊU CẦU HẸND, UBND TỈNH BAN HÀNH VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT*

STT	Văn bản quy định chi tiết tương ứng ở địa phương										Ghi chú	
	Văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên giao cho địa phương ban hành văn bản quy định chi tiết			Tình trạng hiện nay								
	Tên, số, ký hiệu văn bản	Ngày có hiệu lực	Tổng số nội dung giao quy định chi tiết	Tổng số nội dung đã quy định chi tiết	Tên văn bản quy định chi tiết	Thời gian ban hành (theo kế hoạch)	Đã ban hành (Ngày có hiệu lực)	Đang soạn thảo	Thẩm định	Thẩm tra		Đã trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

(*) Chỉ các Sở có liên quan báo cáo danh mục này, UBND cấp huyện không thực hiện.

- **Cột (2):** Ghi tên, số, ký hiệu văn bản.
- **Cột (3):** Ghi ngày tháng năm văn bản bắt đầu có hiệu lực thi hành.
- **Cột (4):** Ghi tổng số nội dung giao quy định chi tiết, đồng thời ghi tắt tên điều, khoản giao quy định chi tiết. Ví dụ: K2 Đ3, K5 Đ7,...
- **Cột (5):** Ghi tổng số nội dung đã được quy định chi tiết thành văn bản (ghi cụ thể tên Điều, Khoản, Điểm)
- **Cột (6):** Ghi lần lượt từng văn bản quy định chi tiết tương ứng với văn bản giao quy định chi tiết ở cột 2.
- **Cột (7):** Ghi thời gian ban hành văn bản quy định chi tiết theo kế hoạch. Kế hoạch được hiểu là chương trình xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh, chương trình xây dựng văn bản QPPL của UBND tỉnh, Danh mục văn bản quy định chi tiết theo Điều 28 Nghị định 34/2016/NĐ-CP hoặc kế hoạch, chỉ thị, công văn, ... của cấp có thẩm quyền về triển khai thực hiện các văn bản QPPL.
- **Cột (8):** Đối với văn bản quy định chi tiết đã được ban hành, ghi thời gian bắt đầu có hiệu lực.
- **Cột (9), (10), (11), (12):** Đối với văn bản quy định chi tiết chưa được ban hành, đánh dấu (X) vào cột tương ứng với tình trạng hiện nay.
- **Cột (13):** Cơ quan tiến hành báo cáo có thể ghi và giải thích thêm lý do ban hành chậm, lý do không ban hành văn bản quy định chi tiết, giải thích lý do không điền được thông tin vào các cột trước đó.

DANH MỤC
VĂN BẢN THUỘC LĨNH VỰC DOANH NGHIỆP KHỎI NGHIỆP
CƠ NỘI DUNG KHÔNG BẢO ĐẢM TÍNH THÔNG NHẤT, ĐỒNG BỘ

Phụ lục 2

STT	Tên văn bản	Điều khoản không bảo đảm tính thông nhất, đồng bộ	Cơ sở pháp lý xác định nội dung không bảo đảm tính thông nhất, đồng bộ	Tình trạng xử lý			Ghi chú
				Đã xử lý theo thẩm quyền	Đã kiến nghị nhưng cơ quan có thẩm quyền chưa xử lý	Đã phát hiện nhưng chưa kiến nghị xử lý	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.							
2.							
...							

- **Cột (2):** Ghi rõ tên, số, ký hiệu, thời điểm ban hành văn bản chứa quy định không đảm bảo tính thông nhất, đồng bộ.
- **Cột (3):** Nêu rõ tên và nội dung điều, khoản, điểm trong văn bản không đảm bảo tính thông nhất, tính đồng bộ.
- **Cột (4):** Nêu rõ căn cứ pháp lý xác định nội dung không bảo đảm tính thông nhất, đồng bộ: trái, mâu thuẫn, chồng chéo với nội dung nào của văn bản làm cơ sở để xem xét, đối chiếu.
- **Cột (5):** Ghi rõ tên văn bản xử lý, hình thức xử lý.
- **Cột (6):** Ghi rõ tên văn bản kiến nghị, hình thức kiến nghị xử lý.
- **Cột (7):** Ghi lý do chưa kiến nghị xử lý.
- **Cột (8):** Cơ quan tiến hành báo cáo có thể ghi và giải thích thêm một số vấn đề liên quan, giải thích lý do không điền được thông tin vào các cột trước đó.

**DANH MỤC
VĂN BẢN THUỘC LĨNH DOANH NGHIỆP KHỎI NGHIỆP
CÓ NỘI DUNG KHÔNG BẢO ĐẢM TÍNH KHẢ THI**

STT	Tên văn bản	Điều khoản không bảo đảm tính khả thi	Lý do không bảo đảm tính khả thi				Tình trạng xử lý			Ghi chú
			a	b	c	d	Đã xử lý theo thẩm quyền	Đã kiến nghị nhưng cơ quan có thẩm quyền chưa xử lý	Đã phát hiện nhưng chưa kiến nghị xử lý	
(1)	(2)	(3)	(4)				(5)	(6)	(7)	(8)
1.										
2.										
...										

- **Cột (2):** Ghi rõ tên, số, ký hiệu, thời gian ban hành văn bản có chưa quy định không đảm bảo tính khả thi.
- **Cột (3):** Nêu rõ tên và nội dung điều, khoản, điểm trong văn bản không bảo đảm tính khả thi.
- **Cột (4):** Đánh dấu vào lý do không bảo đảm tính khả thi, cụ thể:
 - a) Không phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, trình độ dân trí, truyền thống văn hóa và phong tục tập quán;
 - b) Không phù hợp với điều kiện thực tế về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, nguồn tài chính để thi hành;
 - c) Sự không hợp lý của các biện pháp giải quyết vấn đề và chế tài xử lý;
 - d) Sự không rõ ràng của các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức và trình tự, thủ tục thực hiện;
 - đ) Sự không rõ ràng, cụ thể của các quy định để có thể thực hiện đúng, hiểu thống nhất, thuận tiện khi thực hiện và áp dụng.
- **Cột (5):** Ghi rõ tên văn bản xử lý, hình thức xử lý.
- **Cột (6):** Ghi rõ tên văn bản kiến nghị, hình thức kiến nghị xử lý.
- **Cột (7):** Ghi lý do chưa kiến nghị xử lý.